

NHỮNG GIẢI PHÁP CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

VÕ THANH THU

1. Thực trạng phát triển các KCN tại VN

Năm 2010 là kỷ niệm 3 năm ngày VN gia nhập WTO và là năm thứ 19 kể từ khi khu công nghiệp (KCN) đầu tiên được Chính phủ VN cấp giấy phép cho hoạt động, nền kinh tế VN có sự phát triển mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH), hội nhập nhanh với nền kinh tế khu vực và thế giới. Những thành tựu kinh tế của VN ngày nay có sự đóng góp không nhỏ của sự phát triển hệ thống các KCN và khu chế xuất (KCX). Thật vậy, kể từ ngày 18/10/1991 Chính phủ ban hành Nghị định 322/HĐBT về quy chế hoạt động KCX, sau đó là sự ra đời của KCX Tân Thuận (TP.HCM) ngày 25/11/1991. Đến giữa năm 2010 cả nước đã có 223 KCN, KCX, khu công nghệ cao, phân bố trên 56 tỉnh, thành phố, trong đó có 171 KCN đã đi vào hoạt động (chủ yếu ở các thành phố lớn), 52 KCN tập trung đang và sẽ xây dựng cơ bản, ngoài ra còn có hàng nghìn cụm công nghiệp, KCN nhỏ do địa phương quản lý (không kể khu kinh tế Dung Quất có diện tích 14.000 ha). Có 88,89 % tỉnh thành phố của VN đều có KCN (Tính đến cuối năm 2009, số liệu của Bộ Kế hoạch & Đầu tư). Các KCN của VN đã thu hút trên 7.000 dự án đầu tư trong và ngoài nước, trị giá sản xuất công nghiệp đạt 33 tỷ USD, đưa tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của các KCN chiếm 29,2% giá trị công nghiệp của cả nước; chiếm 29% giá trị xuất khẩu của VN; các KCN tập trung giải quyết việc làm trực tiếp cho gần 1,5 triệu lao động (thành tựu này chưa kể đến sự đóng góp của gần 1.000 cụm công nghiệp do các địa phương quản lý).

Sau 19 năm phát triển các KCX, KCN VN, chúng tôi tổng kết lại có 8 nhóm thành tựu cơ bản cần phát huy:

- Hình thành hệ thống gồm 223 KCN, KCX tập trung và gần 1.000 cụm công nghiệp, KCN nhỏ do địa phương quản lý. Sự ra đời của các KCN góp phần chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp.

- Hình thành cơ chế quản lý KCN và KCX khá đầy đủ từ trung ương đến địa phương; cơ chế

thường xuyên được xem xét hoàn thiện đáp ứng yêu cầu phát triển các KCN.

- Cơ chế quản lý hành chính “một cửa, tại chỗ” tại các KCN đang phát huy tác dụng, làm tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư tại những nơi đây.

- Nhiều mô hình KCN đặc biệt ra đời: KCX, khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu kinh tế mở, khu công nghiệp chuyên ngành, v.v..

- Nhiều thành phần kinh tế tham gia xây dựng KCN, thu hút nhiều loại nguồn vốn đầu tư.

- Nhiều KCN hoạt động có hiệu quả, đóng góp vai trò to lớn đối với sự nghiệp CNH, HĐH ở VN.

- Hình thành đội ngũ cán bộ quản lý KCN có trình độ, năng động.

- Tạo được đội ngũ công nhân đông đảo, chất lượng ngày càng cải thiện.

Tóm lại, hệ thống các KCN ngày càng khẳng định vai trò to lớn đối với sự nghiệp CNH ở VN.

Tuy nhiên, vấn đề phát triển các KCN VN ở giai đoạn hiện nay vẫn còn rất nhiều tồn tại, cần đề xuất những giải pháp giải quyết ngay, đó là:

- Quan điểm nhận thức về vai trò của KCN và KCX đối với sự nghiệp phát triển CNH, HĐH ở VN chưa đủ tầm để có thể đưa ra một chiến lược phát triển KCN mang tính nhất quán, đồng bộ và toàn diện.

- Sự thành công của mô hình hoạt động KCN không đồng đều ở các vùng, miền, khu vực: Các KCN ở miền Bắc, miền Trung, đặc biệt là ở nhiều tỉnh ĐBSCL gặp khó khăn trong khi các KCN ở Vùng trọng điểm phía Nam nhìn chung phát triển tốt, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề phải tiếp tục được nghiên cứu hoàn thiện.

- Tính hợp tác liên kết giữa các tỉnh trong một vùng kinh tế để phát triển các KCN còn rất yếu, nhiều tỉnh xé rào để xây dựng cơ chế ưu đãi nhằm tạo ra các điều kiện cạnh tranh không lành mạnh trong thu hút các nhà đầu tư vào các KCN của tỉnh mình. Việc này tạo sự không nhất quán, thiếu ổn định của môi trường đầu tư chung.

- Vấn đề quy hoạch các KCN trên bình diện cả

PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO

nước, tại các vùng kinh tế ở các tỉnh còn thiếu tính khoa học, tính thực tế và tính liên kết. Thiếu sự quan tâm chú ý giữa quy hoạch trong và ngoài KCN.

- Sự lãng phí đất đai trong phát triển KCN ở nhiều vùng còn lớn: Đất bị bỏ không hoặc tỷ lệ lấp đầy thấp, có những tỉnh bình quân lấp đầy bằng các dự án đầu tư chỉ khoảng 10 %. Trong khi đó diện tích trồng lương thực bị thu hẹp, đã có 10.000 ha đất nông nghiệp bị thu hồi, đe dọa an ninh lương thực không những ở VN mà còn của khu vực và thế giới vì VN được coi là cường quốc xuất khẩu gạo.

- Hành lang pháp lý cho sự phát triển các KCX và KCN còn nhiều bất cập, mâu thuẫn.

- Phân cấp tổ chức quản lý KCX và KCN giữa trung ương và địa phương chưa rõ, còn chồng chéo.

- Vấn đề thực hiện cơ chế quản lý “một cửa, tại chỗ” ở các KCN chưa được thể chế hoá.

- Các chính sách về thuế, thuê đất, vay vốn ngân hàng, thủ tục xuất nhập khẩu... có nhiều điểm còn hạn chế, gây trở ngại cho sự hoạt động của các KCX, KCN và khu công nghệ cao.

- Vấn đề quản lý và xử lý môi trường vẫn là điểm yếu trong hoạt động tại các KCN: Nhiều khu chưa có, hoặc nếu có thì chưa đầy đủ, hệ thống xử lý chậm đi vào vận hành, đã làm cho môi trường sống ở nhiều vùng bị ô nhiễm, tác động xấu đến đời sống của người dân, làm giảm chất lượng sống, tỷ lệ người dân bị bệnh hiểm nghèo có nguyên nhân ô nhiễm từ các KCN gia tăng.

- Đời sống công nhân chưa được quan tâm đúng mức, an ninh trật tự ở nhiều vùng công nghiệp phức tạp, đình công bãi công ở nhiều nơi, ở một số thời điểm bùng phát mang tính lan rộng tác động xấu đến môi trường đầu tư, trong khi đó cơ chế chính sách có liên quan đến lao động, đến đình công bãi công... nhiều điểm lạc hậu, chậm thay đổi hoặc thay đổi thiếu đồng bộ làm cho cơ chế ban hành không đi vào thực tiễn.

- Lao động phổ thông bị thiếu hụt ở các KCN vùng kinh tế trọng điểm, đặc biệt ở phía Nam, làm giảm khả năng tăng quy mô và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp...

- Các khu công nghệ cao gặp nhiều khó khăn trong phát triển: do vướng cơ chế chính sách; thiếu nguồn nhân lực có chất lượng cao; công tác vận động xúc tiến đầu tư vào các khu công nghệ cao chưa có hiệu quả.

- Các vấn đề xã hội của quá trình phát triển

các KCN chưa có biện pháp hiệu quả để giải quyết tốt như vấn đề đền bù giải tỏa đất đai, vấn đề tái định cư, ổn định cuộc sống của nhân dân vùng bị giải tỏa.

Những vấn đề kể trên đang là những trở ngại cho sự phát triển các KCX, KCN và khu công nghệ cao ở VN. Để các KCN phát triển nhanh, đóng góp nhiều và có hiệu quả hơn nữa, thì phải tìm kiếm hệ thống các giải pháp nhằm phát huy những thành tựu, khắc phục những tồn tại, tận dụng được các cơ hội, hạn chế các nguy cơ thách thức đối với KCN.

2. Những kiến nghị và giải pháp chiến lược phát triển KCN, KCX tại VN

Theo chúng tôi để các KCN, KCX tại VN phát triển bền vững trong những năm tới thì những giải pháp cần thực hiện là:

2.1 *Đổi mới bộ máy tổ chức quản lý các KCN ở VN*

Sự đổi mới bộ máy tổ chức phải đạt được 2 mục tiêu:

- Hoàn thiện cơ chế “một cửa, tại chỗ” ở cấp trung ương, tạo đầu mối giúp các ban quản lý các KCN giải quyết nhanh chóng các vấn đề khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế chính sách ở tầm vĩ mô.

- Quản lý các loại hình các KCN, KCX, khu công nghệ cao, khu kinh tế mở, khu kinh tế và cả các cụm công nghiệp (hiện nay do các địa phương quản lý).

Chúng tôi đề nghị thành lập Ban quản lý các KCN VN là cơ quan ngang Bộ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ.

2.2 *Hoàn thiện cơ chế quản lý “một cửa, tại chỗ” tại ban quản lý các KCN*

Quan điểm cần quán triệt ở giải pháp này là phải coi cơ chế “một cửa, tại chỗ” trong hoạt động quản lý nhà nước tại các KCN vừa là điều kiện, vừa là mục tiêu đảm bảo sự thành công của các KCN.

Mục tiêu của giải pháp

- Khắc phục tình trạng tùy tiện trong thực thi cơ chế quản lý “một cửa, tại chỗ” tại các ban quản lý KCN trong cả nước.

- Tạo môi trường hành chính thông thoáng tại các KCN để tăng tính hấp dẫn.

- Tạo sự năng động và chủ động phục vụ các doanh nghiệp của các cán bộ ở các ban quản lý các KCN và KCX.

PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO

- Thực hiện tốt cơ chế này sẽ góp phần đẩy mạnh tiến trình cải cách thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Điều kiện để tổ chức thực hiện tốt cơ chế “một cửa, tại chỗ” trong quản lý nhà nước hoạt động của các KCN và KCX là: cơ chế ủy quyền của các Bộ, ngành cho ban quản lý các KCN giải quyết, phải được thể chế bằng luật.

Xây dựng luật về KCN

Mục tiêu của kiến nghị giải pháp:

- Làm rõ chế định pháp luật của các loại hình KCN, KCX, khu công nghệ cao, khu kinh tế mở, khu kinh tế, cụm công nghiệp, đặc khu kinh tế... để thống nhất nhận thức và cách thức tổ chức vận hành của từng loại hình KCN này trên toàn bộ lãnh thổ VN.

- Xây dựng môi trường pháp lý ổn định, bảo đảm cho sự phát triển bền vững các KCN.

- Tránh tình trạng tùy tiện xé rào, đặt ra những cơ chế chính sách mang tính địa phương, tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh, gây trở ngại cho sự phát triển chung của các KCN VN.

- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền lợi của các chủ đầu tư trong và ngoài nước cũng như nhân dân liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự phát triển của các KCN.

Nếu luật được Quốc hội thông qua, sẽ thúc đẩy sự phát triển của một lực lượng kinh tế phát triển thuận lợi, bao gồm trên 220 KCN và KCX, khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu kinh tế mở và gần 1.000 cụm công nghiệp, thu hút hàng vạn dự án đầu tư trong và ngoài nước, với số lao động làm việc trực tiếp lên đến trên 1,5 triệu người, diện tích đất lên đến hàng chục vạn hecta.

Hoàn thiện quy hoạch phát triển các khu công nghiệp VN

Yêu cầu đối với chỉnh sửa quy hoạch hiện nay là:

- Quy hoạch phải mang tính dài hạn, cho nên khi xây dựng quy hoạch phải coi trọng công tác dự báo.

- Quy hoạch phải mang tính liên vùng, liên lãnh thổ, tránh hiện tượng chạy theo “phong trào” tỉnh nào cũng làm KCN.

- Phải chú ý đến vấn đề ô nhiễm môi trường khi quy hoạch KCN.

- Ngoài ra, tính toàn diện của quy hoạch còn thể hiện: đảm bảo sự phát triển cân đối giữa

trong và ngoài KCN, giữa nơi doanh nghiệp hoạt động và vùng đô thị dân cư lân cận, coi trọng quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ cho xử lý môi trường.

- Quy hoạch phải mang tính luật, thể hiện thông qua luật về KCN và nhấn mạnh biện pháp chế tài trong trường hợp phá vỡ quy hoạch.

Nâng cao khả năng cạnh tranh của các KCN VN

Khả năng cạnh tranh của các khu công nghiệp VN nói lên tính vượt trội trong quan hệ so sánh với KCN của các nước khác trong khu vực.

Có nhiều quan điểm khác nhau khi đánh giá năng lực cạnh tranh của các KCN, theo chúng tôi 6 tiêu chí sau đây đánh giá khả năng cạnh tranh của các KCN:

- Môi trường pháp luật và hành chính tốt, vượt trội so với đối thủ cạnh tranh.

- Cơ sở hạ tầng trong KCN và nối kết với ngoài KCN phải tốt vượt trội.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh thuận lợi với chi phí thấp.

- Nguồn nhân lực đáp ứng tốt về số lượng và chất lượng.

- Hoạt động của các KCN mang tính thân thiện với môi trường.

- Phương thức tiếp thị tốt.

Đối thủ cạnh tranh của các KCN, KCX VN là các KCN, KCX, khu công nghệ cao của các nước trong khu vực.

Nâng cao khả năng cạnh tranh của các KCN sẽ góp phần tăng cường thu hút vốn đầu tư vào các KCN VN, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho các KCN

Nội dung của chiến lược:

- Tăng cường chất lượng nguồn nhân lực ở khâu quản lý nhà nước, đặc biệt ở ban quản lý các KCN và KCX.

- Tăng cường số lượng và chất lượng cán bộ quản lý doanh nghiệp và các chuyên gia.

- Đáp ứng đầy đủ số lượng và chất lượng công nhân tại các KCN, KCX, khu công nghệ cao.

Thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực, theo chúng tôi phải đứng trên quan điểm: Phát triển nguồn nhân lực là phát triển lợi thế so sánh lớn nhất của VN.

PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CÔNG NGHỆ CAO

Các giải pháp phát triển các khu dân cư ở các KCN

Đây là các giải pháp quan trọng đảm bảo sự phát triển bền vững của các KCN. Để thực hiện giải pháp, chúng tôi kiến nghị:

- Nâng cao chất lượng quy hoạch khu dân cư
- + Quy hoạch KCN phải bao gồm: quy hoạch trong và ngoài KCN và điều này phải ghi rõ trong luật KCN.

- + Quy hoạch phải tính đến yếu tố văn hoá, tập quán sản xuất và đời sống ở từng vùng đất nước. Làm sao cho nhân dân ở vùng phát triển KCN phải có cuộc sống ổn định, tốt đẹp hơn so với trước khi phải giao đất để làm KCN.

- + Quy hoạch đô thị gắn với các KCN phải có tầm nhìn xa, có đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội phục vụ cho việc xây dựng một đô thị sạch, văn minh, hiện đại và an ninh.

- + Quy hoạch đô thị gắn với KCN phải do các cơ quan có chuyên môn thực hiện và có sự đóng góp của chính quyền sở tại (nếu có điều kiện, có thể tham khảo ý kiến rộng rãi của người dân địa phương ở vùng bị lấy đất làm KCN). Cách làm này làm giảm được tính hình thức của quy hoạch, đồng thời nâng cao chất lượng của quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện quy hoạch khu dân cư sau khi quy hoạch phê duyệt

- + Công ty cơ sở hạ tầng KCN phải dành một phần đất (theo tỷ lệ được luật hoá) để xây dựng nhà ở cho công nhân.

- + Ban quản lý KCN phải tham gia trực tiếp vào các quá trình: phê duyệt, triển khai, giám sát triển khai khu dân cư, khu đô thị, nhà ở cho công nhân các KCN.

Tóm lại, phát triển khu dân cư KCN tạo điều kiện để nâng cao chất lượng và đảm bảo về số lượng nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp.

Giải pháp quản lý môi trường tại các khu công nghiệp

Khi xây dựng các định chế pháp luật, các biện pháp quản lý môi trường, theo chúng tôi nên quán triệt các điểm sau:

- Khó di dời những dự án gây ô nhiễm trong các KCN.

- Chỉ tiêu môi trường được coi là chỉ tiêu đánh giá chất lượng của KCN.

- Bảo vệ môi trường trong các KCN vừa là mục tiêu, vừa là những nội dung cần thực hiện để đảm bảo sự phát triển bền vững các KCN.

Cho nên, trong chiến lược, trong quy hoạch, phê duyệt, triển khai các KCN, nội dung bảo vệ môi trường cần phải được phản ánh và quán triệt.

Những giải pháp quản lý môi trường tại các KCN, theo chúng tôi, cần tập trung là:

- Quản lý môi trường từ khâu quy hoạch; khu xây dựng hạ tầng KCN.

- Hoàn thiện hệ thống pháp lý để quản lý môi trường: xây dựng hệ thống quy định xử phạt gây ô nhiễm môi trường; quy định phí môi trường.

- Thẩm định kỹ nội dung môi trường trước khi cấp giấy phép cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện công tác quản lý môi trường tại các KCN.

- Khuyến khích thành lập các KCN chuyên ngành để nâng cao hiệu quả cho công tác đầu tư xử lý môi trường.

- Phải xây dựng hệ thống các biện pháp chế tài có khả năng răn đe các dự án gây ô nhiễm môi trường

3. Kết luận

19 năm phát triển KCN và KCX VN đã góp phần to lớn đối với sự phát triển kinh tế VN, thực hiện chiến lược chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng CNH và HĐH, đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ở VN. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển vẫn còn bộc lộ nhiều những tồn tại, khó khăn thách thức đối với sự nghiệp phát triển các KCN tại VN. Thách thức lớn nhất theo chúng tôi chính là nhận thức của các cấp quản lý về tầm quan trọng và vai trò của các KCN đối với công cuộc đổi mới kinh tế và hội nhập quốc tế ở VN. Cho nên, sự thay đổi và nâng cao nhận thức về vai trò của KCN chính là chìa khóa quan trọng để tổ chức giải quyết các vấn đề tồn tại có liên quan đến KCN■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.GS.TS. Võ Thanh Thu, 2003, chủ nhiệm đề tài độc lập Nhà nước “ Phát triển các KCN VN trong điều kiện hiện nay”.

2.Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2009, Báo cáo môi trường quốc gia- môi trường KCN VN.

3. Các trang Website

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư www.mpi.gov.vn

- Tổng cục Thống kê www.gos.gov.vn

- Tổng cục Đầu tư nước ngoài www.fai.mpi.gov.vn